

Số: 1257/BVNHN-VTTBYT
V/v yêu cầu chào giá dụng cụ phẫu
thuật năm 2025 của Bệnh viện Nhi Hà
Nội

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Hiện nay Bệnh viện Nhi Hà Nội có nhu cầu tiếp nhận yêu cầu chào giá dụng cụ phẫu thuật năm 2025 của Bệnh viện Nhi Hà Nội với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của Đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Nhi Hà Nội (Đường Nguyễn Trác, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội)

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Văn thư - Bệnh viện Nhi Hà Nội; Đường Nguyễn Trác, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội; bản mềm qua email: vattunhihn@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại Văn thư - Bệnh viện Nhi Hà Nội; Đường Nguyễn Trác, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội; bản mềm qua email: vattunhihn@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá:

- Từ ngày 11 tháng 11 năm 2025 đến trước 16h30 ngày 21 tháng 11 năm 2025

- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục mua sắm (Phụ lục kèm theo)

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt: Bệnh viện Nhi Hà Nội (Đường Nguyễn Trác, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội)

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Năm 2025

4. Báo giá chi tiết (Biểu mẫu kèm theo).

- Báo giá theo từng bộ (mỗi bộ có đơn giá từng danh mục chi tiết)

- Có catalog từng danh mục kèm theo.

5. Các thông tin khác (nếu có)



- Đề nghị các công ty thực hiện lấy file mẫu, thực hiện lập báo giá qua hệ thống cổng thông tin điện tử của bệnh viện Nhi Hà Nội <https://nhihanoi.vn>.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý đơn vị!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc;
- <https://chaogiattbyt.moh.gov.vn>,
- <https://nhihanoi.vn>;
- Lưu VT, VTTBYT



GIÁM ĐỐC

Ngô Quang Hùng

Phụ lục

(Kèm theo Công văn số ~~1257~~ /BVNHN-VTTBYT ngày 11 / 11/2025
của Bệnh viện Nhi Hà Nội)

STT	MÔ TẢ	DVT	SL
I	Bộ phẫu thuật sọ mặt-hàm mặt	Bộ	1
1	Cán dao phẫu thuật, số 4, dài khoảng 13.5cm ($\pm 5\%$)	cái	2
2	Cán dao phẫu thuật, số 7, dài khoảng 16 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
3	Kẹp sãng Backhaus, dài khoảng 11 cm($\pm 5\%$)	cái	5
4	Kẹp bông băng Foerster, thẳng, dài khoảng 20.5 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
5	Kẹp ruột ALLIS , 5x6, 5x6, dài khoảng 15.5 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
6	Kẹp mạch máu Mosquito, cong, dài khoảng 12 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
7	Kẹp mạch máu Kocher, 1x2 răng, thẳng, dài khoảng 14.5 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
8	Kẹp mạch máu Martin-Fuchsig, cong, dài khoảng 20.5 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
9	Kéo phẫu thuật Mayo, cong, dài khoảng 17 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
10	Kéo phẫu thuật Stevens, cong, mũi nhọn/ nhọn, dài khoảng 10.5 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
11	Kéo phẫu tích METZENBAUM, thẳng, dài khoảng 18 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
12	Kẹp phẫu tích mô DeBakey, mũi 2.0 mm, cán vàng, dài khoảng 20 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
13	Kẹp phẫu tích mô, mũi 6.0x0.7 mm, cong, dài khoảng 21 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
14	Kẹp phẫu tích mô Stille, 1x2 răng, dài khoảng 15 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
15	Kẹp phẫu tích không chấn thương Gerald, mũi 1.2 mm, dài khoảng 18 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
16	Kìm kẹp kim Webster, cán vàng, khoảng 13 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
17	Kìm kẹp kim Crile-Wood, cán vàng, khoảng 15 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
18	Kìm kẹp kim Sarot, cán vàng, khoảng 18 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
19	Kìm kẹp kim vi phẫu Castroviejo, thẳng, cán vàng, khoảng 18 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
20	Kẹp giữ xương Lewin, dài khoảng 18 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
21	Banh xương mũi Obwegeser, dài khoảng 16.5 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
22	Banh xương mũi Obwegeser, dài khoảng 22 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
23	Banh hàm mặt Rowe, cong phải, dài khoảng 19 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
24	Banh hàm mặt Rowe, cong trái, dài khoảng 19 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
25	Kéo viền hốc mũi Hargis, dài khoảng 18.5 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
26	Banh xương ổ răng Obwegeser, dài khoảng 24 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
27	Mở vách ngăn mũi Obwegeser, dài khoảng 24 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
28	Banh mô mềm, loại dài Austin ($\pm 5\%$)	cái	2
29	Banh xương mũi Obwegeser, lưỡi 10 mm, dài khoảng 16 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
30	Banh phẫu thuật Roux, 25x26 mm/ 30x38 mm, số 2, dài khoảng 16 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
31	Mài xương Obwegeser, lưỡi rộng 7 mm, dài khoảng 18 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
32	Móc ADSON, gấp góc, mũi tù, dài khoảng 20 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
33	Dụng cụ nâng màng xương Arnett, cong nhẹ, dài khoảng 24cm ($\pm 5\%$)	cái	2
34	Tách xương Obwegeser, lưỡi rộng khoảng 20 mm ($\pm 5\%$)	cái	2
35	Kìm tách Tessier, khoảng 7 mm ($\pm 5\%$)	cái	2
36	Dụng cụ bóc tách, bên trái Obwegeser, lưỡi rộng 10 mm, dài khoảng	cái	2

	18 cm ($\pm 5\%$)		
37	Dụng cụ bóc tách, bên phải Obwegeser, lưỡi rộng 10 mm, dài khoảng 18 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
38	Banh má và mô mềm, lưỡi cong lên Obwegeser, lưỡi 72x15 mm, dài khoảng 23.5 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
39	Bóc tách dây thần kinh Obwegeser, lưỡi rộng 11 mm, dài khoảng 17.5 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
40	Móc vi phẫu, 1 răng nhọn, số 2, dài khoảng 16 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
41	Móc phẫu thuật Guthrie, 2 răng nhọn, dài khoảng 16 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
42	Kẹp định vị Rowe, dài khoảng 24 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
43	Kẹp định vị Rowe, dài khoảng 24 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
44	Dụng cụ nạo róc xương Key, đầu 16 mm, dài khoảng 20 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
45	Dụng cụ nạy chân răng Warwick-James, số 2L ($\pm 5\%$)	cái	2
46	Kìm cắt xương Ruskin, cong, dài khoảng 19 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
47	Đè ruột Martin, lưỡi rộng 6.5 mm, khoảng 20 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
48	Đè ruột Martin, lưỡi rộng 16 mm, khoảng 20 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
49	Đè ruột Martin, lưỡi rộng 25 mm, khoảng 20 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
50	Móc phẫu thuật, 2 răng tù, dài khoảng 16.5 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
51	Kìm tạo hình xương, lưỡi kìm 11 mm, góc, khoảng 22 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
52	Đục xương, đầu 8 mm, dài khoảng 13.5 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
53	Đục xương, đầu 16 mm, dài khoảng 13.5 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
54	Kìm cắt xương Liston, thẳng, dài khoảng 22 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
55	Đục xương Hibbs, đầu 19 mm, cong, dài khoảng 24.5 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
56	Cổ định mở miệng, dành cho người lớn McKesson, cỡ L	cái	2
57	Cổ định mở miệng, dành cho trẻ em McKesson, cỡ S	cái	2
58	Cổ định mở miệng, dành cho trẻ sơ sinh McKesson, cỡ S	cái	2
59	Banh miệng dành cho trẻ em Molt, dài khoảng 11 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
60	Banh miệng Roser-Koenig, dài khoảng 16 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
61	Vòng đặt sọ não marchac, dùng cho trẻ nhỏ	cái	2
62	Đục xương Dunn-Dautrey, đầu 6 mm, dài khoảng 17 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
63	Búa Cottle, đầu 30 mm, 300g, dài khoảng 19 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
64	Dao phẫu thuật xương cánh pterygoid Hargis, cong, dài khoảng 22 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
65	Kìm găm xương cột sống Ferris-Smith-Kerrison, đầu 3 mm, 40°, dài khoảng 20 cm ($\pm 5\%$)	cái	1
66	Kìm găm xương cột sống Ferris-Smith-Kerrison, đầu 3 mm, 90°, dài khoảng 20 cm ($\pm 5\%$)	cái	1
67	Thước đo Tessier, 200 mm, khoảng 26 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
68	Kìm uốn xương đa năng Arnett, 3 ngàm, dài khoảng 12.5 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
69	Đục xương vách ngăn Obwegeser, lưỡi rộng 6 mm, dài khoảng 19 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
70	Chén kim loại, đường kính 61 mm, dung tích 0.07 L, cao khoảng 61 mm ($\pm 5\%$)	cái	3
71	Chén kim loại, đường kính 187 mm, dung tích 1.3 L, cao khoảng 85 mm ($\pm 5\%$)	cái	1

72	HỘP HẤP Bộ hộp hấp gồm nắp hộp có lỗ thoát khí, đáy hộp, khay lưới, loại chuẩn, cỡ 1/1, phù hợp đựng trọn bộ dụng cụ hoặc tương đương	Bộ	2
73	HỘP HẤP Bộ hộp hấp gồm nắp hộp có lỗ thoát khí, đáy hộp, khay lưới, miếng silicone cố định dụng cụ, loại chuẩn, cỡ 1/2, phù hợp đựng trọn bộ dụng cụ hoặc tương đương	Bộ	2
II	Bộ phẫu thuật môi vòm	Bộ	1
1	Cán dao phẫu thuật, số 7, dài khoảng 16 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
2	Cán dao phẫu thuật, số 3, dài khoảng 12 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
3	Kẹp bông băng Foerster, thẳng, dài khoảng 20.5 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
4	Kẹp sãng Backhaus, dài khoảng 11 cm ($\pm 5\%$)	cái	5
5	Kéo phẫu tích Metzenbaum-Fino TC Gold, cong, mũi nhọn/ nhọn, cán vàng, dài khoảng 14.5 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
6	Kéo phẫu thuật Supercut Joseph, cong, mũi nhọn/ nhọn, dài khoảng 14.5 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
7	Kéo phẫu thuật, cong, mũi nhọn/ nhọn, dài khoảng 12 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
8	Kẹp phẫu tích mô, 1x2 răng, mũi 0.5 mm, dài khoảng 11 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
9	Kẹp phẫu tích mô TC Gold Gerald, 1x2 răng, cán vàng, dài khoảng 17.5 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
10	Kéo phẫu thuật, cong, mũi nhọn/ nhọn, dài khoảng 11 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
11	Kéo phẫu tích METZENBAUM, thẳng, dài khoảng 18 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
12	Kẹp phẫu tích mô, mũi 6.0x0.7 mm, cong, dài khoảng 21 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
13	Kẹp mạch máu không chấn thương De Bakey, đầu 1.5 mm, dài khoảng 20 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
14	Kẹp phẫu tích mô Micro-Adson, 1x2 răng, dài khoảng 12 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
15	Kim kẹp kim Webster, cán vàng, khoảng 13 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
16	Kim kẹp kim Crile-Wood, cán vàng, khoảng 15 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
17	Kim kẹp kim Sarot, cán vàng, khoảng 18 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
18	Bộ banh miệng Dingmann	cái	2
19	Cây đè lưỡi cho bộ banh miệng 38-224-00, số 1	cái	2
20	Cây đè lưỡi cho bộ banh miệng 38-224-00, số 2	cái	2
21	Cây đè lưỡi cho bộ banh miệng 38-224-00, số 3	cái	2
22	Đè ruột Martin, lưỡi rộng 13 mm, khoảng 20 cm ($\pm 5\%$)	cái	1
23	Bộ banh phẫu thuật Farabeuf, dài khoảng 15,5cm ($\pm 5\%$)	cái	2
24	Dụng cụ nâng vách ngăn McKenty, đầu 4 mm, dài khoảng 15 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
25	Mài xương Obwegeser, lưỡi rộng 7 mm, dài khoảng 18 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
26	Dụng cụ nâng màng xương, dài khoảng 21cm ($\pm 5\%$)	cái	2
27	Banh vết mổ tự động Scalp-Contour, 3x4 răng tù, dài khoảng 13.5 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
28	Kẹp mạch máu Pean, cong, dài khoảng 13 cm ($\pm 5\%$)	cái	3
29	Kẹp mạch máu Mosquito, cong, dài khoảng 12 cm ($\pm 5\%$)	cái	4
30	Dụng cụ bóc tách ROBB, số 3, 2 đầu, dài khoảng 24 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
31	Chén kim loại, đường kính 61 mm, dung tích 0.07 L, cao khoảng 61 mm ($\pm 5\%$)	cái	3
32	Móc FRAZIER, mũi nhọn, dài khoảng 18 cm ($\pm 5\%$)	cái	2

33	Đục xương, đầu 12 mm, dài khoảng 13.5 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
34	Đục xương, đầu 16 mm, dài khoảng 13.5 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
35	Ống hút thép 18/8 martinit, chống từ, không gỉ, chống axit Frazier, đầu 2.3 mm, dài khoảng 19.5 cm ($\pm 5\%$)	cái	3
36	Thước đo, khoảng 30 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
37	Búa Cottle, đầu 30 mm, 300g, dài khoảng 19 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
38	Nạo xương Volkmann, số 0, dài khoảng 17 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
39	Móc phẫu thuật Guthrie, 2 răng nhọn, dài khoảng 16 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
40	Thước đo Castroviejo, đầu 0-15 mm, dài khoảng 8 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
41	Thước đo Castroviejo-epker, đầu 0-40 mm, dài khoảng 18 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
42	HỘP HẤP Bộ hộp hấp gồm nắp hộp có lỗ thoát khí, đáy hộp, khay lưới, loại chuẩn, cỡ 1/1, phù hợp đựng trọn bộ dụng cụ hoặc tương đương	Bộ	2
43	HỘP HẤP Bộ hộp hấp gồm nắp hộp có lỗ thoát khí, đáy hộp, khay lưới, miếng silicone cố định dụng cụ, loại chuẩn, cỡ 1/2, phù hợp đựng trọn bộ dụng cụ hoặc tương đương	Bộ	2
III	Bộ phẫu thuật phần mềm	Bộ	1
1	Kẹp răng Backhaus, dài khoảng 11 cm ($\pm 5\%$)	cái	5
2	Cán dao phẫu thuật, số 3, dài khoảng 12 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
3	Kéo phẫu thuật, cong, mũi nhọn/ nhọn, dài khoảng 12 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
4	Kéo phẫu thuật, cong, mũi tù/ tù, dài khoảng 14.5 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
5	Kéo phẫu tích TC Gold Metzenbaum, cong, mũi tù/ tù, cán vàng, dài khoảng 18 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
6	Kẹp mạch máu không chấn thương De Bakey, đầu 1.5 mm, dài khoảng 20 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
7	Kìm kẹp kim Webster, cán vàng, khoảng 13 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
8	Kẹp phẫu tích mô Micro-Adson, 1x2 răng, dài khoảng 12 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
9	Kẹp phẫu tích, dài 11.5 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
10	Kẹp phẫu tích mạch máu Adson-Baby, cong, dài khoảng 14.5 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
11	Kẹp mạch máu Dandy-Mosquito, cong, dài khoảng 12 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
12	Ống hút thép 18/8 martinit, chống từ, không gỉ, chống axit Frazier, đầu 2.3 mm, dài khoảng 19.5 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
13	Chén kim loại, đường kính 61 mm, dung tích 0.07 L, cao khoảng 61 mm ($\pm 5\%$)	cái	3
14	Móc FRAZIER, mũi nhọn, dài khoảng 18 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
15	Móc phẫu thuật Guthrie, 2 răng nhọn, dài 16 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
16	Banh phẫu thuật Roux-Mini, 6x7 mm và 7x8 mm, dài khoảng 14.5 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
17	Kẹp bông băng Foerster, thẳng, dài khoảng 20.5 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
18	Thước đo, 30 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
19	Kẹp phẫu tích mô, 1x2 răng, mũi 0.5 mm, dài khoảng 11 cm ($\pm 5\%$)	cái	2
20	Kéo phẫu thuật Reynolds, cong, mũi nhọn/ nhọn, dài khoảng 15.5 cm ($\pm 5\%$)	cái	2

21	HỘP HẤP Bộ hộp hấp gồm nắp hộp có lỗ thoát khí, đáy hộp, khay lưới, loại chuẩn, cỡ 3/4, phù hợp đựng trọn bộ dụng cụ hoặc tương đương	Bộ	2
IV	Bộ phẫu thuật vi phẫu	Bộ	1
1	Kéo vi phẫu, cong, mũi nhọn/ nhọn, chiều dài lưỡi kéo 10 mm, dài khoảng 15 cm ($\pm 5\%$)	cái	1
2	Kéo phẫu thuật Reynolds, cong, mũi nhọn/ nhọn, dài khoảng 15.5 cm ($\pm 5\%$)	cái	1
3	Kim kẹp kim vi phẫu không khóa, cong, dài khoảng 15 cm ($\pm 5\%$)	cái	1
4	Kẹp phẫu tích mô, đầu tam giác, dài khoảng 11 cm ($\pm 5\%$)	2 cái	2
5	Kẹp phẫu tích mô, mũi 6x0.3 mm, 45°, dài khoảng 15 cm ($\pm 5\%$)	cái	1
6	Hộp đựng dụng cụ phẫu thuật loại nhỏ, kích thước chiều dài x rộng x cao: 300 x 140 x 40mm hoặc tương đương	cái	1
V	Bộ dụng cụ mổ mở tim mạch	Bộ	1
1	Kẹp sàng giấy, dài khoảng 115mm($\pm 5\%$)	Cái	6
2	Kẹp sàng Backhaus, dài khoảng 110mm($\pm 5\%$)	Cái	6
3	Kẹp bông băng Gross, thẳng, ngàm có khóa, khớp hộp, có khóa cài, dài khoảng 200mm($\pm 5\%$)	Cái	2
4	Cán dao mổ, số 4, dài khoảng 135mm($\pm 5\%$)	Cái	1
5	Cán dao mổ, số 3, có thước đo, dài khoảng 125mm($\pm 5\%$)	Cái	1
6	Cán dao mổ, số 7, dài khoảng 160mm($\pm 5\%$)	Cái	1
7	Kẹp dây chằng Jackson, đầu cong vòng, 4x5 răng, dài khoảng 150mm($\pm 5\%$)	Cái	2
8	Kẹp ống dẫn, thẳng, ngàm có khóa, dài khoảng 180mm($\pm 5\%$)	Cái	6
9	Nhíp mô, ngàm có răng 1x2, dài khoảng 130mm($\pm 5\%$)	Cái	2
10	Kẹp phẫu tích, thẳng, loại nhỏ, dài khoảng 145mm($\pm 5\%$)	Cái	2
11	Kẹp phẫu tích Resano, dài khoảng 205mm($\pm 5\%$)	Cái	1
12	Kẹp không chấn thương De Bakey Atraumata, thẳng, ngàm có răng De Bakey, dài khoảng 200mm($\pm 5\%$), ngàm rộng 2mm	Cái	2
13	Kẹp không chấn thương De Bakey Atraumata, thẳng, ngàm có răng De Bakey, dài khoảng 200mm($\pm 5\%$), ngàm rộng 1,50mm	Cái	2
14	Nhíp phẫu tích không chấn thương Cushing Durogrip TC, thẳng, cán vàng, dài khoảng 180mm($\pm 5\%$)	Cái	1
15	Kẹp không chấn thương De Bakey Atraumata, thẳng, ngàm có răng De Bakey, dài khoảng 150mm($\pm 5\%$), ngàm rộng 1mm	Cái	1
16	Kẹp phẫu tích Hastled-Mosquito, cong, mảnh, dài khoảng 125mm($\pm 5\%$)	Cái	10
17	Kẹp động mạch Crile, mảnh, cong, dài khoảng 160mm($\pm 5\%$)	Cái	6
18	Kẹp cầm máu Kocher-Ochsner, thẳng, ngàm có răng 1x2, dài khoảng 160mm($\pm 5\%$)	Cái	10
19	Kẹp cầm máu Coller, cong, đầu tù, dài khoảng 165mm($\pm 5\%$)	Cái	2
20	Kẹp động mạch Rochester-Pean, cong, dài khoảng 185mm($\pm 5\%$)	Cái	4
21	Kẹp mạch máu Fuchsig, mảnh, cong, đầu tù, dài khoảng 195mm($\pm 5\%$)	Cái	2
22	Kẹp động mạch Crile, mảnh, cong, dài khoảng 140mm($\pm 5\%$)	Cái	8
23	Kẹp mạch máu Bengolea, mảnh, cong, đầu tù, dài khoảng 245mm($\pm 5\%$)	Cái	2

24	Kẹp gấp bông băng Foerster-Ballenger, thẳng, dài khoảng 180mm($\pm 5\%$)	Cái	1
25	Kẹp ruột Allis-Thoms, loại yếu, thẳng, ngàm có răng (6x7), dài khoảng 200mm($\pm 5\%$)	Cái	2
26	Kẹp phẫu tích mô Allis, ngàm có răng 5x6, dài khoảng 155mm($\pm 5\%$)	Cái	2
27	Kẹp phẫu tích Micro-Hastled, cong, mảnh, dài khoảng 125mm($\pm 5\%$)	Cái	2
28	Kẹp phẫu tích Hastled-Mosquito, thẳng, mảnh, dài khoảng 125mm($\pm 5\%$)	Cái	5
29	Kẹp phẫu tích Mixter (Baby), cong nhiều, dài khoảng 180mm($\pm 5\%$)	Cái	2
30	Kẹp phẫu tích đầu cong chữ C Pean, dài khoảng 220mm($\pm 5\%$)	Cái	2
31	Kéo phẫu tích Jameson Supercut, mảnh, cong, lưỡi gợn sóng, mũi tù/tù, dài khoảng 130mm($\pm 5\%$)	Cái	1
32	Kéo phẫu tích Metzenbaum Noir TC, mảnh, cong, mũi tù/tù, màu đen, cán vàng, dài khoảng 200mm($\pm 5\%$)	Cái	1
33	Kéo phẫu tích Metzenbaum Noir TC, mảnh, cong, mũi tù/tù, màu đen, cán vàng, dài khoảng 180mm($\pm 5\%$)	Cái	1
34	Kéo phẫu tích Metzenbaum (Baby) Noir TC, mảnh, cong, mũi tù/tù, màu đen, cán vàng, dài khoảng 145mm($\pm 5\%$)	Cái	1
35	Kéo phẫu thuật Mayo, thẳng, lưỡi vát, mũi tù/tù, dài khoảng 155mm($\pm 5\%$)	Cái	1
36	Kéo phẫu thuật Mayo, cong, lưỡi vát, mũi tù/tù, dài khoảng 155mm($\pm 5\%$)	Cái	1
37	DIETHR.POTTS SCISSORS DEL.45° ANG.180MM	Cái	1
38	Kéo cắt chỉ Durotip TC, cong, lưỡi gợn sóng, mũi tù/tù, cán vàng, dài khoảng 180mm($\pm 5\%$)	Cái	1
39	Kéo phẫu tích Durotip TC, cong, lưỡi gợn sóng, mũi tù/tù, cán vàng, dài khoảng 145mm($\pm 5\%$)	Cái	1
40	Kéo phẫu tích Metzenbaum Durotip TC, thẳng, mũi tù/tù, cán vàng, dài khoảng 180mm($\pm 5\%$)	Cái	1
41	Kéo phẫu tích Metzenbaum Durotip TC, cong, mũi tù/tù, cán vàng, dài khoảng 145mm($\pm 5\%$)	Cái	1
42	Kẹp mang kim Crile-Wood Durogrip TC, thẳng, bước răng 0,40mm, dùng cho chỉ 4/0-6/0, dài khoảng 185mm($\pm 5\%$)	Cái	2
43	Kẹp mang kim Durogrip TC, thẳng, ngàm rất mảnh, bước răng 0,20mm, dùng cho chỉ 6/0-10/0, dài khoảng 200mm($\pm 5\%$)	Cái	1
44	Kẹp mang kim Ryder Durogrip TC, loại mảnh, thẳng, bước răng 0,20mm, dùng cho chỉ 6/0-10/0, dài khoảng 175mm($\pm 5\%$)	Cái	1
45	Kẹp mang kim Hegar-Mayo Durogrip TC, thẳng, bước răng 0,50mm, dùng cho chỉ tới 3/0, dài khoảng 185mm($\pm 5\%$)	Cái	1
46	Kẹp mang kim Hegar, kiểu khỏe, thẳng, ngàm răng cưa có rãnh dọc, dài khoảng 175mm($\pm 5\%$)	Cái	1
47	Kẹp mang kim vi phẫu Diadust, thẳng, ngàm phủ bụi kim cương, cán tròn, có khóa cài, cán kiểu nhíp, màu vàng, dài khoảng 185mm($\pm 5\%$), dùng cho chỉ tới 5/0	Cái	1
48	Kẹp mang kim vi phẫu Diadust, thẳng, ngàm phủ bụi kim cương, cán tròn, có khóa cài, cán kiểu nhíp, màu vàng, dài khoảng 185mm($\pm 5\%$), dùng cho chỉ tới 7/0	Cái	1

49	Kẹp mang kim Heaney Durogrip TC, cong, bước răng 0,50mm, dùng cho chỉ tới 3/0, dài khoảng 200mm($\pm 5\%$)	Cái	2
50	Kẹp mang kim Mayo-Hegar, kiểu mảnh, cỡ vừa, thẳng, ngàm răng cửa có rãnh dọc, dài khoảng 185mm($\pm 5\%$)	Cái	2
51	Kẹp mang kim Mayo-Hegar, kiểu mảnh, cỡ vừa, thẳng, ngàm răng cửa có rãnh dọc, dài khoảng 200mm($\pm 5\%$)	Cái	2
52	Kẹp xoắn chỉ Durogrip TC, thẳng, bước răng 0,5mm, khớp hộp, có khóa cài, cán vàng, dài khoảng 175mm($\pm 5\%$)	Cái	1
53	Kim cắt chỉ thép Durotip TC, gấp góc bên, một lưỡi có khía, cán vàng, dài 120mm($\pm 5\%$), cho chỉ thép có đường kính tối đa 1.2mm (chỉ cứng), 0.8mm (chỉ mềm),	Cái	1
54	RIGHT ANGLE CLAMP 180MM Kẹp phẫu tích, gấp góc 90°, dài khoảng 180mm($\pm 5\%$)	Cái	1
55	LAHEY/SWEET GALL DUCT FORCEPS 200MM Kẹp ống mật Lahey (Sweet), cong, dài khoảng 200mm($\pm 5\%$)	Cái	1
56	COOLEY PEDIATRIC CLAMP 60DG 30/160MM Kẹp mạch máu không chấn thương Cooley Atraumata, dùng cho trẻ em, gấp góc 60°, ngàm có răng De Bakey, dài khoảng 160mm($\pm 5\%$), ngàm dài 30mm	Cái	1
57	DE'BAKEY ATR.CLMP HVY-CVD160MM Kẹp nối mạch máu không chấn thương De Bakey Atraumata, dùng cho trẻ em, cong nhiều, ngàm có răng De Bakey, dài khoảng 160mm($\pm 5\%$), ngàm rộng 31mm	Cái	1
58	DE'BAKEY PERIPHERAL CLAMP CVD 160MM Kẹp mạch máu không chấn thương De Bakey Atraumata, cong, ngàm có răng De Bakey, dài khoảng 160mm($\pm 5\%$), ngàm dài 56mm	Cái	1
59	Kẹp động mạch chủ không chấn thương De Bakey Atraumata, cong, ngàm có răng De Bakey, dài khoảng 250mm ($\pm 5\%$), ngàm dài 95mm	Cái	1
60	Kẹp mạch máu Cooley Atraumata, cong dạng Satinsky, ngàm có răng Cooley, dài khoảng 205mm($\pm 5\%$), ngàm dài 31mm	Cái	1
61	Kẹp mạch máu không chấn thương Derra-Cooley Atraumata, dùng cho trẻ em, ngàm có răng Cooley, dài khoảng 170mm($\pm 5\%$), ngàm dài 71mm, rộng 16mm	Cái	1
62	Kẹp mạch máu không chấn thương De Bakey Atraumata, thẳng, ngàm có răng De Bakey, dài khoảng 240mm($\pm 5\%$), ngàm dài 80mm	Cái	1
63	Kẹp mạch máu không chấn thương De Bakey Atraumata, thẳng, ngàm có răng De Bakey, dài khoảng 225mm($\pm 5\%$), ngàm dài 65mm	Cái	1
64	Banh vết thương Farabeuf, loại nhỏ, hai đầu, dài khoảng 125mm($\pm 5\%$), bộ 2 chiếc, kích thước 22 x 10mm, 25 x 10mm, 28 x 12mm, 32 x 12mm	Cái	2
65	Van vén mềm loại nhỏ (kiểu van vén trong mô não – Maleaf). Rộng 2cm, dài khoảng 20cm($\pm 5\%$)	Cái	2
66	Banh vén mi, đầu cong, má hở, kích thước lưỡi 15x15mm, dài khoảng 220mm($\pm 5\%$)	Cái	2
67	Banh vén mi, đầu cong, má kín, kích thước lưỡi 11x14mm, dài khoảng 140mm($\pm 5\%$)	Cái	1
68	Banh vết thương Cushing-Kocher, dài khoảng 175mm($\pm 5\%$), kích thước lưỡi 10 x 10mm	Cái	1

69	Banh tổ chức Kocher-Langenbeck, dài khoảng 215mm($\pm 5\%$), kích thước ngàm 55 x 11mm	Cái	2
70	Banh tổ chức Kocher-Langenbeck, dài khoảng 215mm($\pm 5\%$), kích thước ngàm 41 x 11mm	Cái	1
71	Kéo Esmarch dùng trong bó bột, gấp góc bên, ngàm có khía bên trong, 1 đầu thăm, dài khoảng 200mm($\pm 5\%$)	Cái	1
72	Banh xương ức Morse dùng cho trẻ em, độ mở 150 mm, rộng 205 mm, lưỡi 12x20 mm, chiều dài banh khoảng 155 mm($\pm 5\%$)	Cái	1
73	Banh xương sườn Finochietto - kích thước 140x180mm, độ mở tối đa khoảng 120mm($\pm 5\%$), kích thước lưỡi banh 28x32mm	Cái	1
74	Vén não Noir, hai đầu, linh động, cỡ vừa, dài khoảng 200mm($\pm 5\%$), hai đầu 13/6 mm	Cái	1
75	Vén rẽ thần kinh Kraysenbuehl, gấp góc 90°, mũi tù, cán tròn, dài khoảng 185mm($\pm 5\%$)	Cái	1
76	Vén rẽ thần kinh Kraysenbuehl, gấp góc 90°, đầu thăm, cán tròn, dài khoảng 185mm($\pm 5\%$)	Cái	1
77	Ống tưới rửa Schmid, dễ uốn, có khóa Luer, dài khoảng 150mm($\pm 5\%$), đường kính 3mm	Cái	1
78	Ống tưới rửa Schmid, dễ uốn, có khóa Luer, dài khoảng 150mm($\pm 5\%$), đường kính 4mm	Cái	1
79	Ống hút Cooley, gấp góc 30°, đường kính 8mm, dài khoảng 320mm($\pm 5\%$)	Cái	1
80	Ống hút Cooley, gấp góc 90°, đường kính 9mm, dài khoảng 265mm ($\pm 5\%$)	Cái	1
81	Dụng cụ vén van động mạch chủ, kích thước lưỡi 17x21mm, dài khoảng 270mm($\pm 5\%$)	Cái	1
82	Dụng cụ vén van động mạch chủ, kích thước lưỡi 20x25mm, dài khoảng 270mm($\pm 5\%$)	Cái	1
83	Dụng cụ vén nhĩ, nghiêng trái, lưỡi 25x46mm, dài khoảng 280mm($\pm 5\%$)	Cái	1
84	Dụng cụ vén nhĩ, nghiêng phải, lưỡi 45x48mm, dài khoảng 270mm($\pm 5\%$)	Cái	1
85	Kẹp phẫu tích mô Allis, ngàm có răng 5x6, dài khoảng 255mm($\pm 5\%$)	Cái	2
86	Kẹp ruột Judd-Allis, thẳng, ngàm có răng (3x4), dài khoảng 195mm($\pm 5\%$)	Cái	2
87	Que móc chỉ Tourniquet, loại nhỏ, dài khoảng 240mm($\pm 5\%$)	Cái	2
88	Que móc chỉ Tourniquet, loại lớn, dài khoảng 240mm($\pm 5\%$)	Cái	2
89	Bát đựng bệnh phẩm, dài khoảng 83mm($\pm 5\%$), cao 41mm, rộng 54mm, dung tích 160ml	Cái	2
90	Bát đựng bệnh phẩm, kích thước 111 x 72 x 56mm, dung tích khoảng 300 ml ($\pm 5\%$)	Cái	2
91	Bát đựng bệnh phẩm, kích thước 151 x 100 x 73mm, dung tích khoảng 1.000 ml ($\pm 5\%$)	Cái	2
92	Bát đựng bệnh phẩm, kích thước 211 x 145 x 96mm, dung tích khoảng 2.500 ml ($\pm 5\%$)	Cái	2
93	Khay đựng hình quả thận, dài khoảng 170mm($\pm 5\%$), dung tích 250ml	Cái	2
94	Nắp hộp dòng Primeline Pro công nghệ cao sử dụng màng lọc khuẩn	Cái	2

	PTFE lâu dài, 5000 lần tiết khuẩn . Cỡ 1/1, màu đỏ. Nắp và lấy khóa mở nắp bằng hợp kim nhôm và thép không gỉ. Kích thước ngoài khoảng: 593mm x 294mm x 37mm($\pm 5\%$)		
95	Đáy hộp đựng và bảo quản dụng cụ phẫu thuật, không có lỗ thoát khí, loại chuẩn, cỡ 1/1, kích thước ngoài khoảng 592 x 274 x 187mm ($\pm 5\%$), kích thước trong khoảng 544 x 258x 172mm($\pm 5\%$)	Cái	1
96	Đáy hộp đựng và bảo quản dụng cụ phẫu thuật, không có lỗ thoát khí, loại chuẩn, cỡ 1/1, kích thước ngoài khoảng 592 x 274 x 187mm($\pm 5\%$), kích thước trong khoảng 544 x 258x 172mm($\pm 5\%$)	Cái	1
97	Khay lưới bảo quản dụng cụ phẫu thuật, loại chuẩn 1/1, có chân, kích thước khoảng 540 x 253 x 56 mm($\pm 5\%$)	Cái	1
98	Khay lưới bảo quản dụng cụ phẫu thuật, loại chuẩn 1/1, có chân, kích thước khoảng 540 x 253 x 76 mm($\pm 5\%$)	Cái	3
99	Lưới silicone làm khô ráo và chống va đập dụng cụ phẫu thuật, cỡ chuẩn 1/1, kích thước khoảng 536 x 250 mm($\pm 5\%$)	Cái	3
100	Lưới silicone gai cài chống va đập dụng cụ phẫu thuật, cỡ chuẩn 1/1, kích thước khoảng 517 x 242 mm($\pm 5\%$)	Cái	1
VI	Bộ Dụng cụ tiểu phẫu	Bộ	10
1	Cán dao mổ, số 3, dài khoảng 125mm	Cái	1
2	Cán dao mổ số 4, dài khoảng 135mm	Cái	1
3	Kéo phẫu thuật kiểu Standard, lưỡi cong, mũi nhọn/nhọn, dài khoảng 145mm($\pm 5\%$)	Cái	1
4	Kéo phẫu tích Metzenbaum, lưỡi cong, mảnh, dài khoảng 200mm($\pm 5\%$)	Cái	1
5	Kéo cắt chỉ Mayo, lưỡi thẳng, mũi tù/tù, dài khoảng 155mm($\pm 5\%$)	Cái	1
6	Kẹp phẫu tích Standard, ngàm răng cưa, dài khoảng 160mm($\pm 5\%$)	Cái	2
7	Kẹp mô Allis, loại 5x6 răng, dài 155mm($\pm 5\%$)	Cái	1
8	Kẹp bông gạc FOERSTER -BALLENGER, thẳng, ngàm có khía, dài khoảng 180mm($\pm 5\%$)	Cái	1
9	Kẹp mạch máu kiểu Halsted-Mosquito, thẳng, dài khoảng 200mm($\pm 5\%$)	Cái	4
10	Kẹp mạch máu Halsted, cong, dài khoảng 185mm($\pm 5\%$)	Cái	4
11	Kẹp cầm máu CRILE, mũi thẳng, dài khoảng 140mm($\pm 5\%$)	Cái	4
12	Kẹp cầm máu CRILE, mũi cong, dài khoảng 140mm($\pm 5\%$)	Cái	4
13	Kim kẹp kim Mayo Hegar, thẳng, dùng cho chỉ tới 3/0, dài khoảng 160mm($\pm 5\%$)	Cái	1
14	Kim kẹp kim Crile-Wood, dài khoảng 150mm($\pm 5\%$)	Cái	1
15	Nhíp phẫu tích Standard, không máu, dài khoảng 180mm($\pm 5\%$)	Cái	2
16	Nhíp phẫu tích Standard, có máu, dài khoảng 180mm($\pm 5\%$)	Cái	2
17	Banh 2 đầu SENN-MILLER, răng tù, dài khoảng 155mm($\pm 5\%$)	Cái	1
18	Banh Cushing, dài khoảng 205mm($\pm 5\%$), cỡ lưỡi 10 x 13mm	Cái	1
19	Banh vết thương Farabeuf, loại lớn, hai đầu, dài khoảng 150mm($\pm 5\%$), bộ 2 chiếc, kích thước khoảng 20 x 16mm, 23 x 16mm, 24 x 16mm, 28 x 16mm($\pm 5\%$)	Cái	1
20	Banh tổ chức Kocher-Langenbeck, dài khoảng 215mm($\pm 5\%$), kích thước ngàm 35 x 8mm	Cái	1
21	Khay đựng hình quả thận, dài khoảng 250mm($\pm 5\%$)	Cái	1

22	Đáy hộp đựng và bảo quản dụng cụ phẫu thuật, không có lỗ thoát khí, loại chuẩn, cỡ 1/2, kích thước ngoài khoảng 300 x 274 x 135mm($\pm 5\%$), kích thước trong khoảng 254 x 258 x 120mm($\pm 5\%$)	Cái	1
23	Nắp hộp đồng công nghệ cao sử dụng màng lọc khuẩn PTFE lâu dài, 5000 lần tiết khuẩn . Cỡ 1/2, màu bạc hoặc tương đương	Cái	1
VII	Bộ dụng cụ mổ lỗ tiểu thấp	Bộ	1
1	Cán dao mổ, số 7, dài khoảng 160mm($\pm 5\%$)	Cái	1
2	Cán dao mổ Titan, tròn, dài khoảng 155mm($\pm 5\%$)	Cái	1
3	Bát đựng bệnh phẩm, dài khoảng 95mm, cao 41mm, rộng 54mm, dung tích khoảng 160ml($\pm 5\%$)	Cái	2
4	Bát đựng bệnh phẩm, dài khoảng 126mm, cao 53mm, rộng 56mm, dung tích khoảng 300ml($\pm 5\%$)	Cái	2
5	Khay đựng hình quả thận, dài khoảng 250mm($\pm 5\%$)	Cái	1
6	Kẹp gấp bông băng Foerster-Ballenger, thẳng, dài khoảng 245mm($\pm 5\%$)	Cái	1
7	Kẹp sãng Backhaus, dài khoảng 110mm($\pm 5\%$)	Cái	8
8	Kéo phẫu thuật Mayo Supercut, thẳng, lưỡi vát, gợn sóng, mũi tù/tù, dài khoảng 145mm($\pm 5\%$)	Cái	2
9	Kéo phẫu tích Metzenbaum Durotip TC, cong, mũi tù/tù, cán vàng, dài khoảng 145mm($\pm 5\%$)	Cái	2
10	Kéo phẫu tích Metzenbaum Durotip TC, mảnh, cong, mũi tù/tù, cán vàng, dài khoảng 180mm($\pm 5\%$)	Cái	2
11	Kéo phẫu tích Toennis-Adson Durotip TC, mảnh, cong, mũi tù/tù, cán vàng, dài khoảng 175mm($\pm 5\%$)	Cái	1
12	Kéo mạch máu DIETHRICH, gấp góc 45 °, chiều dài lưỡi: 15 mm, mũi nhọn/ nhọn, dài khoảng 180 mm($\pm 5\%$)	Cái	1
13	Kéo vi phẫu, thẳng, mũi nhọn/nhọn, cán tròn, cán lõm, dài khoảng 180mm($\pm 5\%$)	Cái	1
14	Kéo phẫu tích Metzenbaum, cong, mũi tù/tù, dài khoảng 180mm($\pm 5\%$)	Cái	1
15	Kéo phẫu thuật Mayo-Stille, cong, mũi tù/tù, dài khoảng 170mm($\pm 5\%$)	Cái	1
16	Nhíp mô, thẳng, cỡ trung bình, ngàm có răng (1x2), dài khoảng 160mm($\pm 5\%$)	Cái	2
17	Nhíp mô, ngàm có răng 1x2, dài khoảng 200mm($\pm 5\%$)	Cái	2
18	Kẹp thắt chỉ vi phẫu, thẳng, cán tròn, dài khoảng 150mm($\pm 5\%$), ngàm rộng 0,30mm	Cái	2
19	Nhíp phẫu tích Adson (Micro), mảnh, thẳng, ngàm có khóa, dài khoảng 150mm($\pm 5\%$)	Cái	2
20	Nhíp phẫu tích, loại chuẩn, không máu, dài khoảng 200mm($\pm 5\%$)	Cái	2
21	Nhíp phẫu tích Micro-Adson, mảnh, dài khoảng 120mm($\pm 5\%$)	Cái	2
22	Nhíp phẫu tích không chấn thương Durogrip TC, mảnh, thẳng, cán vàng, dài khoảng 145mm($\pm 5\%$)	Cái	2
23	Nhíp phẫu tích không chấn thương Durogrip TC, mảnh, thẳng, cán vàng, dài khoảng 180mm($\pm 5\%$)	Cái	2
24	Kẹp phẫu tích không chấn thương De Bakey Atraumata, siêu nhẹ, thẳng, ngàm có răng De Bakey, dài khoảng 150mm($\pm 5\%$), ngàm rộng	Cái	2

	1,20mm		
25	Kẹp không chấn thương De Bakey Atraumata, thẳng, ngàm có răng De Bakey, dài khoảng 200mm($\pm 5\%$), ngàm rộng 1,50mm	Cái	2
26	Kẹp không chấn thương De Bakey Atraumata, thẳng, ngàm có răng De Bakey, dài khoảng 200mm($\pm 5\%$), ngàm rộng 2mm	Cái	2
27	Nhíp vi phẫu, loại Jeweler, thẳng, dài khoảng 110mm($\pm 5\%$), ngàm rộng 0,20mm	Cái	2
28	Kẹp phẫu tích mô Allis, ngàm có răng 4x5, dài khoảng 155mm($\pm 5\%$)	Cái	2
29	Kẹp mạch máu Halsted (Mosquito), mảnh, cong, ngàm có khía, dài khoảng 125mm($\pm 5\%$)	Cái	6
30	Kẹp động mạch Crile, mảnh, cong, dài khoảng 140mm($\pm 5\%$)	Cái	6
31	Kẹp phẫu tích Gemini, gấp góc phải, dài khoảng 180mm($\pm 5\%$)	Cái	5
32	Kẹp phẫu tích Gemini, gấp góc phải, dài khoảng 230mm($\pm 5\%$)	Cái	3
33	Kẹp Bulldog không chấn thương De Bakey Atraumata, gấp góc 90°, ngàm có răng De Bakey, cán vòng, dài khoảng 105mm($\pm 5\%$), ngàm dài 53mm		2
34	Kẹp Bulldog không chấn thương De Bakey Atraumata, thẳng, ngàm có răng De Bakey, cán vòng, dài khoảng 130mm($\pm 5\%$), ngàm dài 53mm	Cái	2
35	Kẹp Bulldog không chấn thương De Bakey Atraumata, gấp góc 45°, ngàm có răng De Bakey, cán vòng, dài khoảng 125mm($\pm 5\%$), ngàm dài 53mm	Cái	2
36	Kẹp mạch máu không chấn thương Derra-Cooley Atraumata, dùng cho trẻ em, cong, ngàm có răng Cooley, dài khoảng 175mm($\pm 5\%$), ngàm dài khoảng 80mm, rộng 27mm	Cái	2
37	Banh vết thương Farabeuf, loại lớn, hai đầu, dài khoảng 150mm($\pm 5\%$), bộ 2 chiếc, kích thước 20 x 16mm, 23 x 16mm, 24 x 16mm, 28 x 16mm	Cái	1
38	Banh vết thương Senn-Miller, đầu nhọn/tù, 1 đầu có 3 răng nhọn, dài khoảng 165mm($\pm 5\%$), kích thước 2 đầu 8 x 7mm, 18 x 5,5mm	Cái	2
39	Móc da Joseph, 2 răng nhọn, đầu rộng 3mm, dài khoảng 160mm($\pm 5\%$)	Cái	2
40	Banh vết thương mạch máu Desmarres, dài khoảng 140mm($\pm 5\%$), kích thước 9 x 9mm	Cái	2
41	Đè bụng/ruột, dễ uốn, dài khoảng 200mm($\pm 5\%$), lưỡi rộng 12mm	Cái	2
42	Đè bụng/ruột, dễ uốn, dài khoảng 200mm($\pm 5\%$), lưỡi rộng 17mm	Cái	2
43	Banh bụng RIBBON uốn được, rộng 25mm, dài khoảng 330mm($\pm 5\%$)	Cái	2
44	Banh phẫu thuật Adson - Baby, 3x4 răng, răng nhọn vừa, có khớp, dài khoảng 165mm ($\pm 5\%$)	Cái	2
45	Kẹp mang kim Hegar-Mayo Durogrip TC, thẳng, bước răng 0,50mm, dùng cho chỉ tới 3/0, dài khoảng 185mm($\pm 5\%$)	Cái	2
46	Kẹp mang kim Durogrip TC, thẳng, ngàm rất mảnh, bước răng 0,20mm, dùng cho chỉ 6/0-10/0, dài khoảng 180mm($\pm 5\%$)	Cái	2
47	Kẹp mang kim De Bakey Durogrip TC, thẳng, bước răng 0,40mm, dùng cho chỉ 4/0-6/0, dài khoảng 180mm($\pm 5\%$)	Cái	2
48	Kẹp mang kim De Bakey Durogrip TC, thẳng, ngàm rất mảnh, bước	Cái	2

	răng 0,40mm, dùng cho chỉ 4/0-6/0, dài khoảng 210mm($\pm 5\%$)		
49	Kẹp mang kim De Bakey Durogrip TC, thẳng, bước răng 0,40mm, dùng cho chỉ 4/0-6/0, dài khoảng 230mm($\pm 5\%$)	Cái	1
50	Kẹp mang kim vi phẫu Castroviejo Durogrip TC, thẳng, cán dẹt kiểu nhíp, có khóa cài, bước răng 0,20mm, dùng cho chỉ 6/0-10/0, dài khoảng 180mm($\pm 5\%$)	Cái	2
51	Kẹp Bulldog Diethrich, loại nhỏ, gấp góc, dài khoảng 48mm($\pm 5\%$), ngàm dài 13mm	Cái	2
52	Kẹp Bulldog, loại nhỏ, thẳng, dài khoảng 35mm($\pm 5\%$), ngàm dài 14mm	Cái	2
53	Kẹp Bulldog Diethrich, loại nhỏ, thẳng, ngàm có khóa, dài khoảng 55mm($\pm 5\%$), ngàm dài 20mm	Cái	2
54	Banh vết thương mạch máu Desmarres, dài khoảng 140mm($\pm 5\%$), kích thước 9 x 9mm	Cái	1
55	Banh vết thương mạch máu Desmarres, dài khoảng 140mm($\pm 5\%$), kích thước 9 x 12mm	Cái	1
56	Kẹp gấp mô Chaput, thẳng, ngàm có răng (2x3), nhọn, khớp vít, có khóa cài, dài khoảng 125mm($\pm 5\%$)	Cái	2
57	Vén rỗ thần kinh Kraysenbuehl, gấp góc 90°, đầu thăm, cán tròn, dài khoảng 185mm($\pm 5\%$)	Cái	1
58	Vén rỗ thần kinh Kraysenbuehl, gấp góc 90°, mũi tù, cán tròn, dài khoảng 185mm($\pm 5\%$)	Cái	1
59	Đáy hộp đựng và bảo quản dụng cụ phẫu thuật, không có lỗ thoát khí, loại chuẩn, cỡ 1/1, kích thước ngoài khoảng 592 x 274 x 187mm, kích thước khoảng trong 544 x 258 x 172mm($\pm 5\%$)	Cái	1
60	Nắp hộp dòng Primeline Pro công nghệ cao sử dụng màng lọc khuẩn PTFE lâu dài, 5000 lần tiết khuẩn. Cỡ 1/1, màu đỏ. Nắp và lẫy khóa mở nắp bằng hợp kim nhôm và thép không gỉ. Kích thước ngoài khoảng: 593mm x 294mm x 37mm($\pm 5\%$)		1
61	Khay lưới bảo quản dụng cụ phẫu thuật, loại chuẩn 1/1, có chân, kích thước khoảng: 540 x 253 x 76 mm($\pm 5\%$)	Cái	2
62	Lưới silicone làm khô ráo và chống va đập dụng cụ phẫu thuật, cỡ chuẩn 1/1, kích thước khoảng 536 x 250 mm($\pm 5\%$)	Cái	2
VIII	Bộ dụng cụ phẫu thuật bàn tay	Bộ	1
1	Cán dao mổ, số 3, dài khoảng 125mm($\pm 5\%$)	Cái	1
3	Bát đựng bệnh phẩm, dài khoảng 126mm, cao 53mm, rộng 56mm, dung tích 300ml($\pm 5\%$)	Cái	2
5	Kẹp gấp bông băng Foerster-Ballenger, thẳng, dài khoảng 180mm	Cái	1
8	Kéo phẫu tích Kilner, mảnh, cong, đầu mảnh, mũi tù/tù, dài khoảng 150mm($\pm 5\%$)	Cái	1
9	Kéo phẫu tích Durotip TC, mảnh, cong, mũi nhọn/nhọn, cán vàng, dài khoảng 120mm($\pm 5\%$)	Cái	1
10	Kéo phẫu tích Reynolds, mảnh, cong, mũi tù/tù, dài khoảng 145mm($\pm 5\%$)	Cái	1
14	Nhíp mô Adson, mảnh, ngàm có răng 1x2, dài khoảng 120mm($\pm 5\%$)	Cái	2
15	Nhíp phẫu tích Micro-Adson, mảnh, dài khoảng 120mm ($\pm 5\%$)	Cái	2
18	Kẹp phẫu tích Hastled-Mosquito, cong, mảnh, dài khoảng	Cái	2

	125mm($\pm 5\%$)		
19	Kẹp động mạch Kelly, mảnh, cong, dài khoảng 140mm($\pm 5\%$)	Cái	2
21	Móc da Kleinert-Kutz, số 1, có 1 răng, nhọn, dài khoảng 160mm($\pm 5\%$)	Cái	1
25	Kẹp mang kim Hegar-Mayo Durogrip TC, thẳng, bước răng 0,50mm, dùng cho chỉ tới 3/0, dài khoảng 150mm($\pm 5\%$)	Cái	1
26	Kẹp mang kim Ryder Durogrip TC, loại mảnh, thẳng, bước răng 0,20mm, dùng cho chỉ 6/0-10/0, dài khoảng 155mm($\pm 5\%$)	Cái	1
28	Dụng cụ nạy xương, cong, dài 160mm($\pm 5\%$), rộng 2mm/6mm	Cái	2
30	Dụng cụ bẫy xương Freer, thẳng, hai đầu, nhọn/tù, dài khoảng 180mm($\pm 5\%$), chiều rộng hai đầu 4mm, 4,50mm	Cái	1
31	Róc màng xương Adson, đầu cong, sắc, rộng 5mm, dài khoảng 165mm($\pm 5\%$)	Cái	1
32	Nạo xương kiểu Schede, cán rộng liền thân, mũi 2.5mm, dài khoảng 170mm($\pm 5\%$)	Cái	1
38	Kìm cắt xương Ruskin- Liston, ngàm nghiền, mũi khỏe, hoạt động đôi, khớp không định tán, dài khoảng 180mm($\pm 5\%$)	Cái	1
42	Dụng cụ găm xương Friedmann, cong, dài 140mm($\pm 5\%$), ngàm dài khoảng 20mm, ngàm rộng 1,30mm	Cái	1
43	Đáy hộp đựng và bảo quản dụng cụ phẫu thuật bằng nhôm dập nguyên tấm - anod hóa, không có lỗ thoát khí, loại chuẩn, cỡ 3/4, kích thước ngoài khoảng 470 x 274 x 135mm($\pm 5\%$), kích thước trong khoảng 421 x 258 x 157mm($\pm 5\%$), dày 1.5mm	Cái	1
44	Nắp hộp dòng Primeline Pro công nghệ cao sử dụng màng lọc khuẩn PTFE lâu dài, 5000 lần tiết khuẩn. Cỡ 3/4, màu bạc. Nắp và lẫy khóa mở nắp bằng hợp kim nhôm và thép không gỉ.	Cái	1
45	Khay lưới bảo quản dụng cụ phẫu thuật, loại chuẩn 1/2, có chân, kích thước khoảng 406 x 253 x 76 mm($\pm 5\%$)	Cái	1
IX	Bộ dụng cụ mổ sọ não	Bộ	1
1	Cán dao mổ, số 3, dài khoảng 125mm($\pm 5\%$)	Cái	1
2	Cán dao mổ Landolt, dáng lưỡi lê, cán vuông, dài khoảng 210mm($\pm 5\%$)	Cái	1
3	Cán dao mổ, số 4, dài khoảng 135mm($\pm 5\%$)	Cái	1
4	Kẹp sığ Backhaus, dài khoảng 110mm($\pm 5\%$)	Cái	10
5	Kẹp gấp bông băng Foerster-Ballenger, thẳng, dài khoảng 245mm($\pm 5\%$)	Cái	1
6	Bát đựng bệnh phẩm, dài 95mm, cao 41mm, rộng 54mm, dung tích khoảng 160ml($\pm 5\%$)	Cái	1
7	Bát đựng bệnh phẩm, dài 126mm, cao 53mm, rộng 56mm, dung tích khoảng 300ml($\pm 5\%$)	Cái	2
8	Khay đựng hình quả thận, dài khoảng 250mm($\pm 5\%$)	Cái	1
9	Nhíp mô, ngàm có răng 1x2, dài khoảng 180mm($\pm 5\%$)	Cái	2
10	Nhíp phẫu tích Micro-Adson, mảnh, dài khoảng 120mm($\pm 5\%$)	Cái	1
11	Nhíp mô Gerald, mảnh, thẳng, ngàm có răng (1x2), dài khoảng 175mm($\pm 5\%$)	Cái	1
12	Nhíp phẫu tích Cushing, mảnh, thẳng, ngàm có khía, dài khoảng 180mm($\pm 5\%$)	Cái	1

13	Kẹp mạch máu Halsted (Mosquito), mảnh, cong, ngầm cổ răng (1x2), dài khoảng 125mm($\pm 5\%$)	Cái	8
14	Kéo phẫu tích Metzenbaum Durotip TC, mảnh, cong, mũi tù/tù, cán vàng, dài khoảng 180mm($\pm 5\%$)	Cái	2
15	Kéo phẫu tích màng não Schmieden-Taylor, gấp góc bên, một đầu thăm, dài khoảng 155mm($\pm 5\%$)	Cái	1
16	Kéo phẫu thuật Mayo, cong, lưỡi vát, mũi tù/tù, dài khoảng 155mm($\pm 5\%$)	Cái	1
17	Ống hút Fergusson, trục Luer, dài khoảng 195mm($\pm 5\%$), chiều dài hoạt động 110mm, đường kính 1,50mm, dùng cho ống hút có đường kính 6-9mm	Cái	1
19	Ống hút Fergusson, trục Luer, dài khoảng 195mm($\pm 5\%$), chiều dài hoạt động 110mm, đường kính 2,50mm, 7FR dùng cho ống hút có đường kính 6-9mm	Cái	1
22	Banh vết thương Farabeuf, loại lớn, hai đầu, dài khoảng 150mm($\pm 5\%$), bộ 2 chiếc, kích thước 20 x 16mm, 23 x 16mm, 24 x 16mm, 28 x 16mm	Cái	2
23	Banh tự giữ Weitlaner, 2x3 răng tù, dài khoảng 110mm($\pm 5\%$)	Cái	1
24	Banh tự giữ Wullstein, gấp góc, 3x3 răng tù, dài khoảng 125mm($\pm 5\%$)	Cái	2
25	Banh tự giữ Anderson-Adson, 4 x4 răng, nhọn, có khóa cài, dài khoảng 190mm($\pm 5\%$)	Cái	2
26	Kẹp mang kim Hegar-Mayo Durogrip TC, thẳng, bước răng 0,50mm, dùng cho chỉ tới 3/0, dài khoảng 185mm($\pm 5\%$)	Cái	1
27	Kẹp mang kim Crile-Wood Durogrip TC, thẳng, bước răng 0,40mm, dùng cho chỉ 4/0-6/0, dài khoảng 185mm($\pm 5\%$)	Cái	1
28	Kẹp mang kim Mayo-Hegar, thẳng, dài khoảng 160mm($\pm 5\%$)	Cái	2
29	Dụng cụ róc xương Lambotte, cong, đầu nhọn, dài khoảng 215mm($\pm 5\%$), đầu rộng 15mm	Cái	1
30	Dụng cụ róc xương, dạng cong, đầu vuông, ngang 6 mm, dài khoảng 200 mm($\pm 5\%$)	Cái	1
31	Kìm gặm xương kiểu ECHLIN hoặc tương đương, nghiêng một bên chiều dài mũi khoảng 10mm, ngầm rộng 2mm dài khoảng 230mm($\pm 5\%$)	Cái	1
35	Vén não hai đầu, dễ uốn, kích thước 2 đầu khoảng 7/8mm, dài khoảng 200mm($\pm 5\%$)	Cái	1
36	Vén não hai đầu, dễ uốn, kích thước 2 đầu khoảng 13/14mm, dài khoảng 200mm($\pm 5\%$)	Cái	1
37	Vén não, hai đầu, dẹt, dễ uốn, có khía chéo, dài khoảng 200mm($\pm 5\%$), rộng 9mm	Cái	1
38	Ống chọc dò não thất Dandy, thẳng, đầu tù, thân chia đoạn, dài khoảng 110mm($\pm 5\%$), chiều dài hoạt động 95mm, đường kính 2mm	Cái	1
39	Vén mạch máu và rễ dây thần kinh Crile, gấp góc 90°, mũi tù, dài khoảng 200mm($\pm 5\%$), sâu 6mm	Cái	1
40	Thìa nạo xương, ngang 4.4 mm, dài khoảng 180 mm($\pm 5\%$)	Cái	1
41	Dụng cụ gặm cột sống Kerrison Noir dòng SQ, mạ đen, kiểu chuẩn, cong lên 130°, có bộ phận đẩy mô, có lấy mở hàm vệ sinh tích hợp ,	Cái	2

	dài khoảng 180mm($\pm 5\%$), ngàm rộng 2mm.		
42	Dụng cụ găm cột sống Kerrison Noir dòng SQ, mạ đen, kiểu chuẩn, cong lên 130°, có bộ phận đẩy mô, có lấy mở hàm vệ sinh tích hợp, dài khoảng 180mm($\pm 5\%$), ngàm rộng 3mm.	Cái	2
43	Búa, dài khoảng 165mm($\pm 5\%$), đường kính đầu 22,50mm	Cái	1
47	Cán kéo dây cưa có móc Gigli	Cái	2
48	Dây luồn sọ dài khoảng 330mm($\pm 5\%$)	Cái	5
49	Đáy hộp đựng và bảo quản dụng cụ phẫu thuật, không có lỗ thoát khí, loại chuẩn, cỡ 1/1, kích thước ngoài khoảng 592 x 274 x 187mm, kích thước trong khoảng 544 x 258 x 172mm	Cái	1
50	Nắp hộp dòng Primeline Pro công nghệ cao sử dụng màng lọc khuẩn PTFE lâu dài, 5000 lần tiệt khuẩn. Cỡ 1/1, màu đỏ. Nắp và lẫy khóa mở nắp bằng hợp kim nhôm và thép không gỉ. Kích thước ngoài khoảng: 593mm x 294mm x 37mm($\pm 5\%$)	Cái	1
51	Khay lưới bảo quản dụng cụ phẫu thuật, loại chuẩn 1/1, có chân, kích thước khoảng 540 x 253 x 76 mm($\pm 5\%$)	Cái	2
52	Bộ ổn định đầu Mayfield (kẹp hộp sọ 3 điểm)	Bộ	1
53	Lưới silicone làm khô ráo và chống va đập dụng cụ phẫu thuật, cỡ chuẩn 1/1, kích thước khoảng 536 x 250 mm($\pm 5\%$)	Cái	2
X	Bộ dụng cụ Chấn thương chỉnh hình Bổ sung	Bộ	1
1	Bộ Garo hơi gốc chi Komprimeter	Bộ	2

Mẫu báo giá

(Công ty....., Địa chỉ...., MST:....., Số Điện thoại liên hệ:.....)

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Nhi Hà Nội

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Nhi Hà Nội, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho hàng hóa như sau:

1. Báo giá:

STT	Danh mục hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS	Thông số kỹ thuật/Đặc tính kỹ thuật	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VND)	Thành tiền (VND)	Kết quả trúng thầu trong thời gian 12 tháng (nếu có)
1	Thiết bị A												
2	Thiết bị B												
n	...												

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng....năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày tháng năm

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

.....